

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án cung ứng điện và Danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

Căn cứ Nghị định số 137/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 34/2011/TT-BCT ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện;

Căn cứ Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, điều kiện ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 09/TTr-SCT ngày 22 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cung ứng điện và Danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, với các nội dung sau:

I. Nguyên tắc chung

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng điện trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 481/KH-UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Ưu tiên cung cấp điện cho các khách hàng sử dụng điện quan trọng được quy định tại thông tư 22/2020/TT-BCT ngày 09/09/2020 của Bộ Công thương; cấp điện cho bệnh viện, trường học; các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu, thông tin liên lạc; cấp điện phục vụ bơm nước sạch; cấp điện phục vụ các hoạt động chính trị- xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh; cấp điện phục vụ Đại hội đảng các cấp; cấp điện phục vụ các hoạt động tiếp xúc cử tri; các kỳ họp Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các kỳ thi tốt nghiệp trung học Quốc gia trên địa bàn; Đảm bảo điện thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

3. Ưu tiên đảm bảo điện cho phụ tải ánh sáng sinh hoạt của nhân dân, nhất là phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân thời gian từ 18h00 đến 22h00 hàng ngày thời gian nhân dân thu hoạch 02 vụ lúa trong năm, các ngày nắng nóng có nhiệt độ $\geq 36^{\circ}\text{C}$ và giảm ảnh hưởng thấp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do thiếu điện.

4. Việc cung ứng, phân bổ điện đảm bảo công bằng, minh bạch theo các nội dung nêu trong Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025. Hàng tuần, Công ty Điện lực Bắc Kạn lập phương thức vận hành tuần (kế hoạch ngừng cấp điện sửa chữa, ngừng cấp điện do thiếu nguồn) cụ thể trên địa bàn tỉnh, thông báo cho khách hàng, đăng tải kế hoạch ngừng, giảm mức cung cấp điện lên mạng thông tin điện tử của Công ty Điện lực Bắc Kạn theo quy định đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo phát triển điện lực và bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp tỉnh Bắc Kạn (thông qua Sở Công Thương).

II. Phương án cung ứng điện năm 2025 và danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện năm 2025

1. Phân nhóm thành phần phụ tải

Căn cứ theo đặc điểm, tính chất và nhu cầu sử dụng của các phụ tải trên địa bàn tỉnh để có phương án cung ứng điện hợp lý cho đối tượng sử dụng điện, thực hiện phân loại thành 3 nhóm phụ tải như sau:

1.1. Nhóm 1: Nhóm các phụ tải quan trọng không phải hạn chế khi thiếu điện, gồm: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND huyện, thành phố, Bệnh viện, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bắc Kạn, Bưu điện, Viễn thông, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Huyện đội, Công an, cấp nước sạch, các phụ tải theo mùa vụ, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết yếu phục vụ cho đời sống người dân được cấp điện qua 01 đường dây riêng,...

(danh sách chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo Quyết định này)

1.2. Nhóm 2: Phụ tải sinh hoạt, bao gồm:

+ Nhóm 2a: Phụ tải sinh hoạt trên địa bàn nội thành Thành phố Bắc Kạn.

STT	Huyện/ Thành phố	Nhóm	Đường dây cấp điện	Pmax dự kiến (MVA)
1	Thành phố Bắc Kạn	2a	471, 472, 473, 474, 476 E26.1	13.7

+ Nhóm 2b: Phụ tải sinh hoạt trên địa bàn ngoại thành Thành phố Bắc Kạn và các huyện của tỉnh.

STT	Địa danh	Nhóm	Đường dây cấp điện	Pmax dự kiến (MVA)
1	Thành phố Bắc Kạn	2b	372, 373, 374, 376, 378 E26.1	6.5

2	Huyện Bạch Thông	2b	371 E26.1	3.1
3	Huyện Ba Bể	2b	371 E26.1	5.0
4	Huyện Pắc Nặm	2b	371 E26.1	2.6
5	Huyện Ngân Sơn	2b	371 E26.1	3.5
6	Huyện Na Rì	2b	371, 373 E26.1	5.5
7	Huyện Chợ Mới	2b	373, 374 E26.1	5.2
8	Huyện Chợ Đồn	2b	371, 373, 375, 377, 379 E26.2	7.3

1.3. Nhóm 3: Phụ tải sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ có sản lượng từ 1 triệu kWh/năm.

STT	Tên Khách hàng	Địa chỉ	Đường dây/TBA cấp điện
1	Công ty TNHH Tân Thịnh	Huyện Ngân Sơn	371 E26.1/TBA: Pác Lạng 1600kVA
2	Công ty cổ phần Gốm và khai thác xây dựng Bắc Kạn	Huyện Bạch Thông	371 E26.1/TBA: Gạch Tuynel 1250kVA
3	Cty CP VinCom Retail	Thành phố Bắc Kạn	472 E26.1/TBA: VinCom
4	Cty CP chăn nuôi MaVin	Huyện Bạch Thông	373 E26.1/TBA Trại Lợn 250kVA
5	Công ty TNHH một thành viên kim loại màu Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	379 E26.2/ TBA: Bản Nhượng 1000kVA
6	Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Huyện Chợ Đồn	375 E26.2/TBA: Lũng Váng 1-630kVA
7	Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	375 E26.2/ TBA: Nà Bốp 1500; Pù Sáp 1-320; Pù Sáp 2-630; Mỏ Pù Sáp 1000kVA
8	Công ty CP khoáng sản Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	375 E26.2/TBA: NM Luyện Chi 1000kVA
9	Công ty CP khoáng sản Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	375 E26.2/ TBA: Nà Duồng 500kVA
10	Công ty CP Gạch ngói Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	375 E26.2/TBA: NM Gạch Chợ Đồn 1000kVA
11	Cty TNHH Giấy và Gỗ Bình Trung	Huyện Chợ Đồn	371 E26.2/ TBA: Giấy đế Bình Trung 400kVA
12	CN Cty TNHH TMDV Hoàng Nam	Huyện Chợ Đồn	379 E26.2/TBA: Hoàng Nam BK 1250kVA
13	Cty TNHH TMDV Hoàng Nam Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	379 E26.2/ TBA: Hoàng Nam 1250kVA
14	Chi nhánh Matexim Bắc Kạn	Huyện	373 E26.2/ TBA: MS Bản Cuôn 1-

		Chợ Đồn	1600kVA; MS Bản Cuôn 2-320kVA; MS Bản Cuôn 3-560kVA
15	Cty CP Khoáng sản Na Rì Hamico	Huyện Chợ Đồn	373 E26.2 /TBA: Mỏ sắt Pù Ổ
16	Công ty TNHH Ngọc Linh	Huyện Chợ Đồn	373 E26.2/ TBA: Ngọc Linh 1250kVA; THHH Ngọc Linh 1950kVA
17	Công ty TNHH Ngọc Linh	Huyện Chợ Đồn	373 E26.2/ TBA Ngọc Linh 1-1600kVA; Ngọc Linh 2-1600kVA; Ngọc Linh 3-1600kVA
18	Cty TNHH Đồng Tâm	Huyện Chợ Đồn	375 E26.2/ TBA: Đồng Tâm 1-560kVA; Đồng Tâm 2-1600kVA
19	Công ty TNHH LECHENWOOD Việt Nam	Huyện Chợ Mới	374 E26.1/TBA: LECHENWOOD 1000kVA
20	Công ty CP Vinasunny	Huyện Chợ Mới	373 E26.1/TBA Mỏ đồng Khau Vàng 750kVA
21	Công ty cổ phần đầu tư GOVINA	Huyện Chợ Mới	374 E26.1/TBA: Govina 2000kVA
22	Công ty TNHH Kim Ngân	Huyện Chợ Mới	373 E26.1/ TBA Kim Ngân 1000kVA

2. Kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu công suất

2.1. Xây dựng các kịch bản tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất từ 5% - 50% Pmax dự báo:

Sau khi thực hiện hết các biện pháp điều chỉnh phụ tải, công suất phụ tải toàn tỉnh vẫn có nguy cơ vượt mức phân bổ của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, Công ty Điện lực Bắc Kạn sẽ tiết giảm phụ tải theo Phương án được lập chi tiết tại (Phụ lục 2)

2.2. Xây dựng kịch bản tiết giảm điện khi Hệ thống điện quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp:

Đây là Phương án để Công ty Điện lực Bắc Kạn căn cứ thực hiện trong trường hợp Hệ thống điện quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp (được quy định tại Thông tư quy trình xử lý sự cố hệ thống điện quốc gia), khi có lệnh sa thải phụ tải từ Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0) hoặc Hệ thống điện miền Bắc (A1) với các mức công suất được quy định tại văn bản 2939/EVN-KTSX+KD ngày 01/06/2023 và 2496/EVNNPC-KT ngày 02/06/2023.

- Nguyên tắc lập phương án trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp:

+ Phương án được lập chỉ rõ các điểm cắt trong từng mức công suất để thực hiện, và ưu tiên thực hiện từ các thiết bị thao tác xa từ hệ thống SCADA do mức độ khẩn cấp.

+ Trường hợp thực hiện sa thải phụ tải trong chế độ cực kỳ khẩn cấp diễn ra trong nhiều ngày liên tiếp hoặc kéo dài nhiều giờ trong 1 ngày, phương án sa thải thực hiện theo kịch bản điều tiết cung ứng điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất ở mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất. (Phương án chi tiết tại Phụ lục 3)

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Công ty Điện lực Bắc Kạn trong việc cung cấp điện, đặc biệt là Phương án cung ứng điện năm 2025 và Danh sách khách hàng quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện năm 2025 đã phê duyệt, thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện (DSM), điều chỉnh phụ tải điện (DR). Kịp thời giải quyết các khiếu nại của khách hàng sử dụng điện về tình trạng cung cấp điện không tuân thủ các quy định trên địa bàn (nếu có).

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện và tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 481/KH-UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Riêng đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Kạn: Phổ biến, thông tin đến các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2025; trong đó, chủ động tăng cường sản xuất vào giờ thấp điểm; hạn chế sử dụng công suất lớn vào giờ cao điểm (từ cuối tháng 5 đến hết tháng 8, đặc biệt là các khung giờ từ 11h00 đến 16h00 và từ 20h00 đến 24h00 hàng ngày); Phối hợp với Công ty Điện lực Bắc Kạn hướng dẫn doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực hiện ký thỏa thuận điều chỉnh phụ tải điện (DR).

3. Công ty Điện lực Bắc Kạn:

- Thực hiện nghiêm Phương án cung ứng điện năm 2025 và Danh sách khách hàng quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện năm 2025 được phê duyệt, xây dựng phương án kế hoạch vận hành chi tiết và thông báo công khai theo quy định; Hàng tuần, Công ty Điện lực Bắc Kạn lập phương thức vận hành tuần (kế hoạch ngừng cấp điện sửa chữa, ngừng cấp điện do thiếu nguồn) gửi Sở Công Thương trước 16 giờ 00 phút ngày thứ 5 hàng tuần để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát việc cung ứng điện trên địa bàn tỉnh và thông báo cho khách hàng theo quy định, đăng tải kế hoạch ngừng, giảm mức cung cấp điện lên mạng thông tin điện tử của Công ty Điện lực Bắc Kạn để thuận tiện cho nhân dân và doanh nghiệp được biết.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện (DSM), điều chỉnh phụ tải điện (DR) để giảm nhu cầu phụ tải điện vào giờ cao điểm của hệ thống điện góp phần đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ công tác bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện, kiểm định, thí nghiệm định kỳ, tăng cường kiểm tra, khắc phục kịp thời các khiếm khuyết tồn tại trên lưới điện, xử lý ngay đối với các vị trí có nguy cơ gây ra sự cố; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

4. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh:

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2025; khuyến khích tăng cường sản xuất vào những giờ thấp điểm, hạn chế sử dụng công suất lớn vào giờ cao điểm và những tháng mùa hè (từ cuối tháng 5 đến hết tháng 8, đặc biệt là các khung giờ từ 11h00 đến 16h00 và từ 20h00 đến 24h00 hàng ngày).

- Phối hợp với Công ty Điện lực Bắc Kạn ký thỏa thuận điều chỉnh phụ tải điện (DR), thực hiện nghiêm túc việc tiết giảm phụ tải khi hệ thống điện quốc gia xảy ra thiếu nguồn điện.

5. Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan báo chí đóng trên địa bàn phối hợp Sở Công Thương, Công ty Điện lực Bắc Kạn tổ chức thông tin, tuyên truyền về sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Công ty Điện lực Bắc Kạn; Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GTCNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đình Quang Tuyên

PHỤ LỤC 1

Danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện năm 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ	Nguồn cung cấp	
			Trạm biến áp	Đường dây
I	Các cơ quan tỉnh			
1	Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn	Tổ 1A, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn	Đồi thông 1, Đồi thông 2, Nhà Công Vụ	472 E26.1
2	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn	Đài truyền hình BK	474 E26.1
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Kạn	Tổ 16, phường Minh Khai, thành phố Bắc Kạn	BCH quân sự tỉnh	472 E26.1
4	Công an tỉnh Bắc Kạn	Phường Đức Xuân, TP Bắc Kạn	Công an tỉnh	474 E26.1
5	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Phường Minh Khai, TP Bắc Kạn	Bệnh viện	471 E26.1
6	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Phường Minh Khai, TP Bắc Kạn	Minh Khai 2	471 E26.1
7	Viễn thông Bắc Kạn	Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn	Viễn thông Bắc Kạn	474 E26.1
II	Thành phố Bắc Kạn			
1	Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Bắc Kạn	Phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn	Trụ sở hợp khối	474 E26.1
2	Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn	Tổ 9, P. Đức Xuân, TP Bắc Kạn	Bộ Chỉ huy quân sự	474 E26.1
3	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Kạn	Phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn	Bệnh viện Đa Khoa thị xã	472 E26.1

4	Công an thành phố Bắc Kạn	Tổ 8, P. Minh Khai, TP Bắc Kạn	Minh Khai 8	471 E26.1	
5	Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn	Nhà máy nước Khai thác nước	373 E26.1	
6	Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Bắc Kạn	Tổ 1A, Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn	Trụ sở hợp khối	474 E26.1	
7	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn	Đường Thanh Niên 2	474 E26.1	
III	Huyện Ngân Sơn				
1	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Ngân Sơn	Khu 1, xã Vân Tùng	Vân Tùng	373 E26.3	
2	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Ngân Sơn	Khu 1, xã Vân Tùng			
3	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Ngân Sơn	Khu 2, xã Vân Tùng			BCH Quân sự
4	Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn	Bản Súng, xã Vân Tùng			Ngân Sơn 2
5	Công an huyện Ngân Sơn	Khu 1, xã Vân Tùng			TBA Công An
6	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Tiểu khu 1, TT Nà Phặc	TBA Nà Phặc 6	371 E26.3	
7	Ban Quản lý nước sạch huyện Ngân Sơn	Khu 2, xã Vân Tùng	TBA Nhà Máy Nước Vân Tùng	373 E26.3	
8	Tổ quản lý, điều tiết chương trình nước sinh hoạt Bằng Vân	Khu Chợ, xã Bằng Vân	Phố mới 3		
IV	Huyện Pác Nặm				
1	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Pác Nặm	Thôn Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm	Bộc Bó 6	371 E26.1	
2	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Pác Nặm	Thôn Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm	Bộc Bó 1		
3	Công an huyện Pác Nặm	Thôn Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm			

4	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Pác Nặm	Thôn Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm		
5	Trung tâm y tế huyện Pác Nặm	Thôn Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm	Bộc Bó 1, Bộc Bó 9	
V	Huyện Ba Bể			
1	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Ba Bể	Thôn Tin Đồn xã Thượng Giáo	Trụ sở hợp khối	371 E26.1
2	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Ba Bể	Thôn Tin Đồn, xã Thượng Giáo	Chợ Rã 6	
3	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Ba Bể	Tiểu khu 10, thị trấn Chợ Rã, Ba Bể	Chợ Rã 6	
4	Công an huyện Ba Bể	Tiểu khu 7, thị trấn Chợ Rã, Ba Bể	Chợ Rã 2	
		Thôn Nà Hán xã Thượng Giáo, Ba Bể	Công An Ba Bể	
5	Trung tâm y tế huyện Ba Bể	Tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã, Ba Bể	TTYT huyện Ba Bể	
6	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Thôn Nà Mô, xã Địa Linh	Nước sạch TT Chợ Rã	
VI	Huyện Bạch Thông			
1	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Bạch Thông	Phố Ngã Ba, Thị trấn Phủ Thông	Phủ Thông 1	371 E26.1
2	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bạch Thông	Phố Ngã Ba, Thị trấn Phủ Thông		
3	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Bạch Thông	Phố Ngã Ba, Thị trấn Phủ Thông		
4	Công an huyện Bạch Thông	Phố Nà Hái, Thị trấn Phủ Thông	Phủ Thông 6	
5	Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông	Phố Nà Hái, Thị trấn Phủ Thông	Bệnh viện	
6	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Phố Ngã Ba, Thị trấn Phủ Thông	Phủ Thông 2	
			Phủ Thông 1	
VII	Huyện Chợ Đồn			
1	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Chợ Đồn	Tổ 3, thị trấn Bằng Lũng	Bằng Lũng 6	371 E26.2
2	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Chợ Đồn	Tổ 3, thị trấn Bằng Lũng		
3	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Chợ Đồn	Tổ 2b, thị trấn Bằng Lũng		

4	Công an huyện Chợ Đồn	Tổ 2b, thị trấn Bằng Lũng	Bằng Lũng 2	
5	Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn	Tổ 1, Thị trấn Bằng Lũng	Bệnh viện Chợ Đồn	
6	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Nà Pài, thị trấn Bằng Lũng	Bom nước Nậm Càng	
		Tổ 15, thị trấn Bằng Lũng	Bằng Lũng 1	
VIII	Huyện Na Rì			
1	Huyện ủy Na Rì	Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Phố Cổ 1	373 E26.1
2	HĐND, UBND huyện Na Rì	Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Yên Lạc 7	
3	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Na Rì	Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Yên Lạc 1	
4	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Na Rì	Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Yên Lạc 3	
5	Công an huyện Na Rì	Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì		
6	Trung tâm Y tế huyện Na Rì	Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Bệnh viện	
7	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Xã Lương Hạ, huyện Na Rì	Phố Cổ 2	
IX	Huyện Chợ Mới			
1	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Chợ Mới	Tổ 5 Thị trấn Đồng Tâm		373 E26.1
2	Đài Phát thanh Truyền hình huyện Chợ Mới	Tổ 2 Thị trấn Đồng Tâm	Chợ Mới 3	
3	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Chợ Mới	Tổ 1 Thị trấn Đồng Tâm	Chợ Mới 2	
4	Công an huyện Chợ Mới	Tổ 7 Thị trấn Đồng Tâm	TTYT Chợ mới	
5	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	Tổ 11 Thị trấn Đồng Tâm	Chợ Mới 4	
6	Trạm cấp nước - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Kạn	Tổ 6 Thị trấn Đồng Tâm	Yên Đĩnh 1	
		Tổ 9 Thị trấn Đồng Tâm	Chợ Mới 3	

PHỤ LỤC 2

Phương án vận hành trong trường hợp thiếu công suất từ 5% - 50%
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

1. Phương án thiếu hụt đến 5%

STT	Nội dung	Tên nhóm phụ tải	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	64.6	3.4	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	52.6	0.6	Tiết giảm luân phiên
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành</i>	<i>2a</i>	<i>14.2</i>	<i>14.2</i>	<i>0.0</i>	
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện.</i>	<i>2b</i>	<i>39.0</i>	<i>38.4</i>	<i>0.6</i>	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	6.0	2.8	Sẽ DR (2.8MW) khi bắt đầu thiếu nguồn trước khi tiết giảm 2b

2. Phương án thiếu hụt đến 10%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	61.2	6.8	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	52.6	3.9	Tiết giảm luân phiên
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	14.2	0.0	
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	38.4	3.9	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	5.9	2.9	Sẽ DR (2.8MW) khi bắt đầu thiếu nguồn trước khi tiết giảm 2b

3. Phương án thiếu hụt đến 15%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	57.8	10.2	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	52.6	7.1	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành</i>	2a	14.2	13.2	1.0	Tiết giảm luân phiên

2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	32.9	6.1	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	5.7	3.1	Tiết giảm luân phiên

4. Phương án thiếu hụt đến 20%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	54.4	13.6	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	43.1	10.1	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	12.7	1.5	Tiết giảm luân phiên
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	30.4	8.6	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	5.3	3.5	Tiết giảm luân phiên

5. Phương án thiếu hụt đến 25%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	51.0	17.0	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm

2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	39.7	13.5	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	12.0	2.2	Tiết giảm luân phiên
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	27.7	11.3	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	5.3	3.5	Tiết giảm luân phiên

6. Phương án thiếu hụt đến 30%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	47.6	20.4	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	36.8	16.4	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	11.6	2.6	Tiết giảm luân phiên
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	25.2	13.8	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	4.8	4.0	Tiết giảm luân phiên

7. Phương án thiếu hụt đến 35%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	44.2	23.8	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	33.8	19.4	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	11.1	3.1	Tiết giảm luân phiên
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	22.7	16.3	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	4.4	4.4	Tiết giảm luân phiên

8. Phương án thiếu hụt đến 40%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	40.8	27.2	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	30.8	22.4	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	10.5	3.7	Tiết giảm luân phiên

2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	20.3	18.7	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	4.0	4.8	Tiết giảm luân phiên

9. Phương án thiếu hụt đến 45%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	37.4	30.6	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	0.0	Không tiết giảm
2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	29.4	23.8	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	10.1	4.1	Tiết giảm luân phiên
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	19.3	19.7	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	2.0	6.8	Tiết giảm luân phiên

10. Phương án thiếu hụt đến 50%

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Công suất dự kiến (MW)	Công suất lớn nhất phân bổ (MW)	Công suất thiếu hụt (MW)	
	Tổng		68.0	34.0	34.0	
1	Khách hàng quan trọng	1	6.0	6.0	6.0	Không tiết giảm

2	Khách hàng sinh hoạt	2	53.2	28.0	25.2	
2.1	<i>Khách hàng sinh hoạt nội thành.</i>	2a	14.2	9.9	4.3	Tiết giảm luân phiên
2.2	<i>Khách hàng sinh hoạt ngoại thành và các huyện lỵ</i>	2b	39.0	18.1	20.9	Tiết giảm luân phiên
3	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	3	8.8	0	8.8	Tiết giảm luân phiên

PHỤ LỤC 3

Phương án vận hành trong trường hợp Hệ thống điện quốc gia ở chế độ cực kỳ khẩn cấp
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Khung giờ 07h00 đến 17h00 hàng ngày

Mức Công suất thiếu hụt (MW)	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị Quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hoặc tại chỗ
0.2	LBS 373-7/1 N. Chộc Toòng	Thôn Nà Nguộc, Chộc Toòng, Phiêng Câm, Bản phố, thuộc xã Cao Kỳ	0.10	0.2	ĐLCM	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
	MC373/02 Sắc Sái	Thôn Bản Pò, Sắc Sái, Khuổi Quân	0.10		ĐLNR	2b	
0.4	LBS 373-7/143-2 N.Hòa Mực	Thôn Bản Đồn, Bản Trang, Hòa Mực, Bản Vọt, Khuổi Nhàng thuộc xã Hòa Mực	0.24	0.4	ĐLCM	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
0.6	LBS 371-7/1 N. Nguyên Phúc 3	Xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông	0.15	0.7	ĐLTP	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
	LBS Khâu Qua	Thôn Khuổi Sáp, Ta Han, Nà Bản, Đán Mây, Khâu Qua thuộc xã Xuân Lạc	0.08		ĐLCĐ	2b	
	LBS Bản Vay	Thôn Khuổi Lịa, Bản Vay, Bản Loàn thuộc xã Yên Thịnh	0.05		ĐLCĐ	2b	
0.8	MC371/1A Giáo Hiệu	Xã Giáo Hiệu, Công Bằng, huyện Pác Nặm	0.25	1.0	ĐLPN	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
1.0	LBS Chu Hương 3	Xã Chu Hương, huyện Ba Bể	0.15	1.1	ĐLBB	2b	
1.2	LBS Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn	0.05	1.2	ĐLCĐ	2b	
1.3	MC373/01 Xuân Lạc	Xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	0.26	1.4	ĐLCĐ	2b	
1.5	MC371/1A Nguyên Phúc	Xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông	0.32	1.8	ĐLTP	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
1.6							

1.8							
1.9	MC371/1A Thượng Quan	Xã Thượng Quan, thôn Bản Súng thuộc thị Trấn Vân Tùng	0.42	2.2	ĐLNS	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
2.1							
2.2							
2.4	LBS 373-7/205	Xã Cư Lễ, xã Trần Phú, huyện Na Rì	0.77	2.9	ĐLNR	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
2.5							
2.7							
2.8							
3.0	MC371/04 Phúc Lộc	Xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	0.15	3.1	ĐLBB	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
3.1							
3.3	LBS Nghĩa Tá	Xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn	0.20	3.3	ĐLCD	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
3.4	MC101	Các xã Hòa Mục, Cao Kỳ	0.16	3.5	ĐLCM	2b	
3.6	LBS Chu Hương 5	Xã Chu Hương, huyện Ba Bể	0.08	3.5	ĐLBB	2b	
3.7	MC371/1A An Thắng	Xã An Thắng, thôn khai Nền, Nà Bó, Nặm Vằm, Bản Nà thuộc xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	0.11	3.6	ĐLPN	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
3.9	MC373/1A Liêm Thủy	Xã Liêm Thủy, Dương Sơn, Xuân Dương, huyện Na Rì	0.9	4.5	ĐLNR	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
4							
4.2							
4.3							
4.5							
4.6	MC377/92B	Xã Yên Thịnh, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	0.3	4.8	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
4.8							
4.9	MC371/23 (Cắt MC371/01 Yên Dương, đóng MC 371/118A)	Xã Mỹ Phương, xã Chu Hương, huyện Ba Bể	0.63	5.5	ĐLBB	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
5.1							
5.2							
5.4							
5.5							
5.7	MC 373/02 Bản Lồm	Thôn Bản Quá, Bản Lồm, Lũng Noong, Phiêng Đén thuộc xã Nam Cường	0.10	5.6	ĐLCD	2b	Tủ SCADA Trung

5.8	Cắt MC AT2	Xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm	0.07	6.0	ĐLPN	2b	tâm điều khiển
6.0	MC 375/1A Lương Bằng	Xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	0.25		ĐLCD	2b	
6.1	MC373/138A	Xã Đồng Lạc, xã Xuân Lạc, xã Nam Cường, (TBA 1,2 xã Nam Mẫu Ba Bể)	0.33	6.3	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
6.3							
6.4	CDP373-7/172 (ĐLCM)	Các xã Nông Hạ, Thanh Thịnh (và các BA Bản Phố, Cao Kỳ 2, Tổng Sâu, Xưởng XL Rác thải thuộc xã Cao Kỳ)	1.1	7.4	ĐLCM	2b	Tại chỗ
6.6							
6.7							
6.9							
7.0							
7.2							
7.3							
7.5	MC377 E26.2	Xã Yên Thượng, Yên Thịnh, Bản Thi, huyện Chợ Đồn	0.28	7.7	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
7.6							
7.8	MC373/82 Yên Cư	Xã Yên Cư, huyện Chợ Mới	0.37	8.0	ĐLCM	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
7.9							
8.1							
8.2	LBS 373-7/60 N.Bình Văn	Các xã Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, huyện Chợ Mới	0.50	8.5	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
8.4							
8.5							
8.7	MC373/02 Mỹ Thanh	Xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông; Tổ Phiêng My, Chí Lèng, phường Huyền Tụng	0.38	8.9	ĐLTP	2a	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
8.8							
9.0							
9.1	MC373/13 Bình Văn	Các xã Như Cồ, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, huyện Chợ Mới	0.75	9.7	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
9.3							
9.4							
9.6							
9.7							

9.9	MC476/2	Thôn Nà Ỏi; Nà Rì; Bản Bung, xã Dương Quang; Tổ 11A; 11B; 11C, phường Sông Cầu - TPBK	0.31	10.0	ĐLTP	2a	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
10.0							
10.2	MC17	Xã Bằng Lãng, xã Lương Bằng, xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn	0.75	10.7	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
10.3							
10.5							
10.6							
12.8	MC373 E26.2	Xã Ngọc Phái, Xã Quảng Bạch, xã Tân Lập, xã Đồng Lạc, xã Xuân Lạc, xã Nam Cường, (TBA 1,2 xã Nam Mẫu Ba Bể)	2.29	13.0	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
12.9							
13							
13.2	MC375 E26.2	Tổ 9, 10 TT Bằng Lũng và các xã Bằng Lãng, xã Lương Bằng, xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn	2.70	15.7	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
13.4							
13.5							
13.7							
13.8							
14							
14.1							
14.3							
14.4							
14.6							
14.7							
14.9							
15							
15.2							
15.3							
15.5							
15.6							

15.8	MC 373/1A Quang Phong	Xã Quang Phong, Đồng Xá, Dương Sơn 3,4, huyện Na Rì	0.51	16.2	ĐLNR	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
15.9							
16.1							
16.2							
16.4	MC 373/40	Xã Côn Minh, huyện Na Rì	0.52	16.8	ĐLNR	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
16.5							
16.7							
16.8							
17.0	LBS 373-7/3 N.Mai Lạp	Xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	0.15	16.9	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
17.1	MC371/81A Quảng Khê	xã Quảng Khê, Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể	0.22	17.1	ĐLBB	2b	
17.3	LBS 371-7/2 N. Phiêng Mòn	Xã Tân Tú, huyện Bạch Thông	0.12	17.2	ĐLTP	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
17.4	MC371/03 Bản Ún	Thôn Bản Đính, Bản Ún, Nà Phai, Khâu Tâu, Khuổi Hên thuộc xã Nghiên Loan	0.10	17.5	ĐLPN	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
	MC373/01 Vũ Loan	Xã Văn Vũ, Cường Lợi (TBA Cường Lợi 2)	0.12		ĐLNR	2b	
17.6	MC371/2A Trung Hòa	Xã Trung Hòa, thôn Lũng Viên thuộc xã Cốc Đán	0.12	17.6	ĐLNS	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
17.7	MC371/61A Cao Tân	Xã Cao Tân, huyện Pác Nặm	0.42	18.0	ĐLPN	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
17.9							
18							
18.3	MC371/2A Cao Tân	Xã Cao Thượng, Cao Tân, huyện Pác Nặm	0.23	18.2	ĐLBB	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
18.5	MC371/1A Hà Vị	Xã Hà Vị; Lục Bình, huyện Bạch Thông	0.40	18.6	ĐLTP	2b	
18.6							
18.8	MC371/163A	Xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	0.21	18.8	ĐLBB	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
18.9							
19.1	MC373/264A	Xã Cường Lợi, Văn Vũ, Lương Hạ 1	0.34	19.2	ĐLNR	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
19.2							

19.4	MC373/14 Thanh Vận	Xã Thanh Vận, huyện Chợ Mới	0.80	20.0	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
19.5							
19.7							
19.8							
20.0							
20.1	MC371/5A Sỹ Bình	Xã Sỹ Bình; Cao Sơn; Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	0.27	20.3	ĐLTP	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
20.3							
20.4	MC373/02 Nông Thượng	Xã Nông Thượng – Thành phố Bắc Kạn	0.37	20.6	ĐLTP	2a	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
20.6							
20.7							
20.9	CDP371-7/1 Vi Hương	Xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	0.40	21.0	ĐLTP	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
21.0							
21.2	MC 371/02 Đon Mạ	Xã Yên Phong, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	1.00	22.0	ĐLCĐ	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
21.3							
21.5							
21.6							
22.4							
22.5	MC 371/1A Đồng Phúc	Xã Phương Viên, xã Đồng Phúc, huyện Chợ Đồn	0.46	22.5	ĐLCĐ	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
22.7	MC 373/2A Quảng Chu	Xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới	1.00	23.5	ĐLCM	2b	
22.8							

Khung giờ 17h00 đến 07h00 sáng

Mức công suất thiếu hụt (MW)	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị Quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hoặc tại chỗ
0.2	LBS Hoàng Trĩ	Xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể	0.08	0.23	ĐLBB	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
	LBS 373-7/3 N.Mai Lạp	Xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	0.15		ĐLCM	2b	
0.5	LBS Bản Cưa	Thôn Bản Tắm, Khuổi Huân, Pác Cộp, Bản Cưa, Nà Tấc thuộc xã Yên Phong	0.12	0.57	ĐLCD	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
	LBS Yên Mỹ	Thôn Ủm Đon, Nà Lặng, Pác Khoang, Phiêng Rì thuộc xã Yên Mỹ	0.10		ĐLCD	2b	
	LBS 371-7/2 N. Phiêng Mòn	Xã Tân Tú, huyện Bạch Thông	0.12		ĐLTP	2b	
0.7	MC371/2B Nhạn Môn	Xã Nhạn Môn, thôn Nà Phấn thuộc xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm	0.14	0.83	ĐLPN	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
	MC 371/01 Nà Phặc 4	Thôn Bó Danh, Nà Pán, Phia Trang, Khuổi Luông, Cùm Nhá, thuộc -TT Nà Phặc, huyện Ngân Sơn	0.12		ĐLNS	2b	
0.9	MC373/01 Vũ Loan	Xã Vũ Loan, huyện Na Rì	0.12	0.95	ĐLNS	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
1.1	MC371/03 Cao Sơn	Xã Sỹ Bình; Cao Sơn; Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	0.05	1.14	ĐLTP	2b	
	MC371/81A Quảng Khê	Quảng Khê, Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể	0.14		ĐLBB	2b	
1.3	MC373/2A Quảng Chu	Xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới	1.0	2.14	ĐLCM	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
1.5							
1.6							
1.8							
2.0							

2.2	MC371/03 Bản Ún	Thôn Bản Đính, Bản Ún, Nà Phai, Khâu Tấu, Khuổi Hên thuộc xã Nghiên Loan	0.10	2.24	ĐLPN	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
2.3	MC371/2A Trung Hòa	Xã Trung Hòa, thôn Lũng Viên thuộc xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	0.12	2.36	ĐLNS	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
2.5	MC373/264A	Xã Cường Lợi, Văn Vũ, Lương Hạ 1, huyện Na Rì	0.34	2.70	ĐLNR	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
2.7							
2.8	MC373/14 Thanh Vận	Xã Thanh Vận, huyện Chợ Mới	0.80	3.50	ĐLCM	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
3.0							
3.2							
3.4							
3.5							
3.7	MC371/163A	Xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	0.21	3.71	ĐLBB	2b	
3.9	MC371/61A Cao Tân	Xã Cao Tân, huyện Pác Nặm	0.42	4.13	ĐLPN	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
4.1							
4.2	MC371/1A Hà Vị	Xã Hà Vị; Lục Bình, huyện Bạch Thông	0.40	4.53	ĐLTP	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
4.4							
4.6	MC371/5A Sỹ Bình	Xã Sỹ Bình; Cao Sơn; Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	0.27	4.80	ĐLTP	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
4.7							
4.9	MC371/2A Cao Tân	xã Cao Thượng, Cao Tân, huyện Pác Nặm	0.23	5.03	ĐLBB	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
5.1	MC 373/1A Quang Phong	Xã Quang Phong, Đồng Xá, Dương Sơn 3,4	0.51	5.54	ĐLNR	2b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
5.3							
5.4							
5.6	MC373/02 Nông Thượng	Xã Nông Thượng - Thành phố Bắc Kạn	0.37	5.91	ĐLTP	2a	Từ SCADA Trung tâm điều khiển
5.8							
5.9							
6.1	CDP371-7/1 Vi Hương	Xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	0.40	6.31	ĐLTP	2b	Tại chỗ
6.3							

6.5	MC 374/90 (Chuyển nguồn trong giai đoạn cấp điện qua MC 374/90)	Tổ 6; 7, phường Xuất Hóa - Thành phố Bắc Kạn	0.90	7.21	ĐLTP	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
6.6							
6.8							
7							
7.1							
7.3	LBS Bản Pèo	Thôn Pác Cha, Khuổi Đầy, Bản Pèo, Vằng Dọc thuộc xã Bình Trung	0.15	7.36	ĐLCĐ	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
7.5	MC371/A Đồng Phúc	Đồng Phúc, Quảng Khê, Hoàng Trĩ	0.46	7.82	ĐLCĐ	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
7.7							
7.8							
8	MC371/02 Đơn Mạ	Xã Yên Phong, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	0.73	8.55	ĐLCĐ	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
8.2							
8.4							
8.5							
8.7							
8.9	MC115	Thôn Nà Dầu, Nà Kệt thuộc xã Đông Viên và các xã Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Phong, Bình Trung, huyện Chợ Đồn	0.70	9.25	ĐLCĐ	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
9.0							
9.2							
9.4							
9.6	MC473 (cắt CDP 473-7/33, đóng CDP 472-7/1 Đức Xuân)	Tổ 1; 1A; 1B; 2; 4, phường Đức Xuân - Thành phố Bắc Kạn	0.40	9.65	ĐLTP	2a	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
9.7	MC371/02 Pác Lạng	Xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	0.90	10.55	ĐLNS	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
11.1	CDP 372-7/44 (cắt MC372/102, đóng MC 372 E26.1)	Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	1.05	11.60	ĐLTP	2b	Tại chỗ
11.3							
11.5							
11.6							
11.8	MC379 E26.2	Các TBA Công ty Hoàng Nam thuộc xã Ngọc Phái và các TBA Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC thuộc xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	2.0	13.6	ĐLCĐ	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
12							
12.1							
12.3							

12.5							
12.7							
12.8							
13.2							
13.4							
13.5							
13.7	MC472/12	Tổ 8A; 8B; 9A; 9B; 13, phường Đức Xuân; Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên - Thành phố Bắc Kạn	1.20	14.80	ĐLTP	2a	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
13.9							
14							
14.2							
14.4							
14.6							
14.7							
14.9	LBS 373-7/1 N. Chộc Toòng	Thôn Nà Nguộc, Chộc Toòng, Phiêng Câm, Bản phố, thuộc xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	0.10	14.90	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
15.1	MC371/1A Giáo Hiệu	Xã Giáo Hiệu, Công Bằng, huyện Pác Nặm	0.25	15.15	ĐLPN	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
15.2	LBS 371-7/1 N. Nguyễn Phúc 3	Xã Nguyễn Phúc, huyện Bạch Thông	0.15	15.30	ĐLTP	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
15.4	MC373/01 Xuân Lạc	Xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	0.34	15.64	ĐLCD	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
15.6							
15.8	MC371/1A Thượng Quan	Xã Thượng Quan, thôn Bản Súng thuộc thị Trấn Vân Tùng, Ngân Sơn	0.47	16.11	ĐLNS	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
15.9							
16.1							
17.0	LBS 373-7/143-2 N.Hòa Mục	Xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	0.24	16.97	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
	MC101	Các xã Hòa Mục, Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	0.16		ĐLCM		
	LBS Chu Hương 3	xã Chu Hương, huyện Ba Bể	0.15		ĐLBB		

	MC371/1A An Thắng	Xã An Thắng, thôn khau Nèn, Nà Bó, Nặm Vằm, Bản Nà thuộc xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	0.11		ĐLPN		
	LBS Nghĩa Tá	Xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn	0.20		ĐLCD		
17.1	MC 375/1A Lương Bằng	Xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	0.25	17.22	ĐLCD	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
17.3	MC371/1A Nguyễn Phúc	Xã Nguyễn Phúc, huyện Bạch Thông	0.33	17.55	ĐLTP	2b	
17.5							
17.7	MC377/92B	Xã Yên Thịnh, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	0.30	17.85	ĐLCD	2b	
17.8	LBS 373-7/205	TXã Cư Lễ, xã Trần Phú, huyện Na Rì	0.87	18.72	ĐLNR	2b	
18.0							
19.2	CDP373-7/172 (ĐLCM)	Các xã Nông Hạ, Thanh Thịnh (và các TBA Bản Phố, Cao Kỳ 2, Tổng Sâu, Xưởng XL Rác thải thuộc xã Cao Kỳ), huyện Chợ Mới	1.10	19.82	ĐLCM	2b	Tại chỗ
19.4							
19.5							
19.7							
19.9	MC373/138A	Xã Đồng Lạc, xã Xuân Lạc, xã Nam Cường, (TBA 1,2 xã Nam Mẫu Ba Bê)	0.44	20.26	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
20.1							
20.2							
20.4	MC 373/1A Liêm Thủy	Xã Liêm Thủy, Dương Sơn, Xuân Dương, huyện Na Rì	0.90	21.16	ĐLNR	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
20.6							
20.8							
20.9							
21.1							
21.3	MC377 E26.2	Xã Yên Thượng, Yên Thịnh, Bản Thi, huyện Chợ Đồn	0.28	21.44	ĐLCD	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
21.4							

21.6	MC476/2	Thôn Nà Ổi; Nà Rì; Bàn Bung, xã Dương Quang; Tổ 11A; 11B; 11C, phường Sông Cầu - Thành phố Bắc Kạn	10.50	21.94	ĐLTP	2a	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
21.8							
22.0							
22.1	MC373/82 Yên Cư	Xã Yên Cư, huyện Na Rì	0.37	22.31	ĐLCM	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
22.3							
22.5	MC 373/57	Xã Quảng Bạch, xã Tân Lập, xã Đồng Lạc, xã Xuân Lạc, xã Nam Cường, (TBA 1,2 xã Nam Mẫu Ba Bể)	1.14	23.45	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
22.6							
22.8							
25.1	MC373/13 Bình Văn	Các xã Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, huyện Chợ Mới	1.25	25.29	ĐLCM	2b	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
25.2	MC 373/40	Xã Côn Minh, huyện Chợ Mới	0.59		ĐLCM	2b	
25.4	MC17	Xã Bằng Lãng, xã Lương Bằng, xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn	0.80	26.09	ĐLCD	3	Tủ SCADA Trung tâm điều khiển
25.6							
25.7							
25.9							
26.1							